TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **109**/2020/DS-PT
Ngày: 21-9-2020.
V/v "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

***Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- *Các thẩm phán*: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Nguyễn Văn Toàn.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Huỳnh Tấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Thanh Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLPT-DS ngày 13 tháng 8 năm 2020, về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 145/2020/QĐ-PT ngày 25 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phúc thẩm số 146//2020/QĐPT-DS ngày 11 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Phan Thị Thu H**, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số 9, đường Q, khóm 3, phường 2, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H: Ông **Ngô Đa N**, sinh năm 1974; Địa chỉ theo hộ khẩu: số 5, Phan Chu T, phường 2, quận T, thành phố Hồ Chí M; Địa chỉ liên hệ: Số 9, Phan Văn T, phường 1, quận T, thành phố Hồ Chí M. Theo Giấy ủy quyền ngày 07/01/2020. (có mặt)

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thúy V**, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số 2, Khu dân cư T, đường Q, khóm 1, phường 7, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. **Ngân hàng B**.

Trụ sở chính: Tòa nhà C số 1 Trần Hưng Đ, phường N, quận K, thành phố

Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền là ông **Huỳnh Thanh H**, sinh năm 1992 - Chuyên viên khách hàng cá nhân – Tổ khách hàng cá nhân – Phòng khách hàng trực thuộc Ngân hàng B – Chi nhánh Sóc Trăng. Theo Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 17A ngày 07/01/2020 của Ngân hàng B – Chi nhánh Sóc Trăng (có mặt).

2. Ông **Vương Ngọc P**, sinh năm 1984; Địa chỉ: Số 2, Khu dân cư T, đường Q, khóm 1, phường 7, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt).

- *Người làm chứng*:

1. Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 9 đường Q, khóm 3, phường 10, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng; Tạm trú: Số 1 đường V, khóm 6, phường 6, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng; (vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

2. Bà **Lê Kim T** (có tên gọi khác là **M**), sinh năm 1964; Địa chỉ: Số 1 đường N, phường 7, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

- *Người kháng cáo*: Bị đơn bà Nguyễn Thúy V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- Theo đơn khởi kiện ngày 01/3/2019 của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Ngô Đa N trình bày:

Bà Phan Thị Thu H và bà Nguyễn Thúy V là đồng nghiệp cùng công tác tại Công an tỉnh Sóc Trăng, có quá trình công tác chung tại Phòng hồ sơ Công an tỉnh, quan hệ bạn bè thân thiết với nhau.

Vào tháng 9/2017 bà V có nói với bà H về việc bà V còn nợ tiền của bà Trần Thị Cẩm T, bà Nguyễn Thị H (cùng công tác tại Phòng hồ sơ Công an tỉnh Sóc Trăng), bà Lê Kim T (tên thường gọi là M), địa chỉ: số 157/18, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 7, thành phố T, tổng số tiền thiếu nợ là 195.000.000 đồng với lãi suất 3% - 5%/tháng. Bà V vay những khoản tiền đó là để lo cho cha của bà V bị bệnh, nay không có khả năng trả nợ, lãi thì cứ đóng hoài, lương của bà V không đủ để trả nợ lãi và lo cuộc sống gia đình. Bà V nói muốn vay vốn ngân hàng để trả hết nợ vay bên ngoài nhưng bà đã được đơn vị cho vay ngân hàng rồi, hiện đang chưa trả hết nợ nên không được lãnh đạo giải quyết cho vay tiếp, bà V nhờ bà H giúp đứng tên vay ngân hàng dùm bà V đồng ý trả vốn lãi theo hợp đồng tín dụng. Lý do bà V nhờ bà H đứng tên vay dùm là do bà H chưa có vay tại ngân hàng nên bà H sẽ đủ điều kiện được lãnh đạo đơn vị xác nhận cho vay vốn tại ngân hàng bằng hình thức tín chấp, trả dần theo lương hàng tháng.

Thông cảm với hoàn cảnh gia đình bà V nên bà H đã đứng ra vay vốn Ngân hàng B – Chi nhánh Sóc Trăng, đầu tháng 10/2017, bà H đã ký hợp đồng tín dụng

số HDTD880201700968 vay số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng), thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất: 12,5%/năm, phương thức trả nợ: định kỳ hàng tháng trả vốn 3.340.000 đồng/tháng cùng lãi giảm dần theo vốn. Bà H đã được ngân hàng cho nhận tiền vay 200.000.000 đồng vào ngày 04/10/2017, cùng ngày 04/10/2017 bà H đã đưa cho bà V vay số tiền 200.000.000 đồng, nhưng do tin tưởng chị em công tác chung nên khi bà H đưa cho bà V số tiền 200.000.000 đồng không có làm biên nhận nhưng có bà Nguyễn Thị H chứng kiến, đồng thời bà V có ký cho bà H *"Giấy thỏa thuận ghi nhận nợ v/v vay tiền Ngân hàng B - Chi nhánh Sóc Trăng"*.

Thời gian đầu bà V đã thực hiện đúng cam kết theo *"Giấy thỏa thuận ghi nhận nợ v/v vay tiền Ngân hàng B - Chi nhánh Sóc Trăng"*. Cụ thể: Bà V đã trả nợ thông qua Ngân hàng B - Chi nhánh Sóc Trăng theo đúng hợp đồng tín dụng HDTD880201700968, ngày 03/10/2017 được 03 kỳ: Kỳ 01 vào ngày 16/11/2017; kỳ 2 vào ngày 18/12/2017; kỳ 3 vào ngày 19/01/2018 với tổng số tiền nợ gốc đã trả 10.020.000 đồng và tiền lãi khoảng 6.000.000 đồng. Tổng số tiền vốn gốc bà V chưa trả là 189.980.000 đồng.

Do Ngân hàng phản ánh đến lãnh đạo, đòi kiện bà H ra tòa nếu bà H không trả nợ, nên bà H đã phải tự trả nợ vốn và nợ lãi cho ngân hàng thay cho bà V kể từ ngày bà V ngưng đóng đến nay. Tổng cộng 29 kỳ (từ 20/01/2018 đến 15/6/2020) với tổng số tiền 139.829.367 đồng, (trong đó tiền vốn gốc là 96.860.000 đồng, tiền lãi là 42.969.367 đồng).

Bà H đã nhiều lần trực tiếp yêu cầu bà V tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận, nhưng bà V vẫn không có thiện chí hợp tác. Do đó bà H có báo với Lãnh đạo đơn vị để giải quyết việc bà V nhờ bà H đứng tên vay dùm. Sau đó đã được giải quyết thông qua văn bản số 05/VB-PN của Hội phụ nữ cơ sở v/v trả lời đơn yêu cầu hòa giải của bà H và Công văn số 15/CV-PV27 ngày 22/5/2018 của phòng hồ sơ công an tỉnh Sóc Trăng v/v giải quyết vụ việc vay nợ của đồng chí Nguyễn Thúy V. Tuy nhiên do cả hai lần hòa giải tại đơn vị không thành (bà V không chịu trả nợ cho bà H) nên vào ngày 01/3/2019 bà H mới làm đơn khởi kiện bà V.

Ông N là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bị đơn bà Nguyễn Thúy V và ông Vương Ngọc P cùng có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Phan Thị Thu H số tiền nợ vốn gốc là 189.980.000 đồng, cùng tiền lãi tính (từ 20/01/2018 tạm tính đến 15/6/2020) với tổng số tiền lãi là 42.969.367 đồng) và trả hết nợ cho bà H theo lãi suất tính theo hợp đồng tín dụng ngày 03/10/2017.

- Tại phiên hòa giải ngày 25/4/2019 bị đơn bà Nguyễn Thúy V trình bày:

Bà V thừa nhận giữa bà V và bà H có lập giấy thỏa thuận ghi nhận nợ như bà H trình bày. Tuy nhiên bà H chỉ đưa cho bà V số tiền 10.000.000 đồng, còn lại số tiền 190.000.000 đồng bà H chưa đưa nên sau đó bà V có làm văn bản yêu cầu bà H tiếp tục đưa số tiền 190.000.000 đồng nhưng bà H không thực hiện. Nay qua

yêu cầu của bà H bà V không đồng ý. Thực tế bà V nhận của bà H chỉ có 10.000.000 đồng và bà V đã trả xong (bà V đã trả nợ cho bà H qua Ngân hàng B – Chi nhánh Sóc Trăng) được 03 kỳ: kỳ 01 ngày 16/11/2017; kỳ 2 ngày 18/12/2017; kỳ 3 ngày 19/01/2018 với tổng số tiền nợ gốc đã trả 10.020.000 đồng. Việc bà V gửi văn bản yêu cầu bà H giao thêm số tiền 190.000.000 đồng bà H có nhận được, bà V sẽ cung cấp tài liệu chứng cứ thể hiện là bà H có nhận văn bản yêu cầu của bà V cho Tòa án sau.

Việc bà H cho rằng bà V có nói với bà H về việc bà V còn nợ tiền của người khác là hoàn toàn không có, bà V chỉ mượn nợ của bà H và hiện nay bà V đã trả xong.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng B:*

Ngân hàng đã nhận trực tiếp thông báo thụ lý bổ sung số 34/TB-TLVA ngày 18/11/2019 của Tòa án nhưng phía ngân hàng không có ý kiến hay yêu cầu gì.

- *Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Vương Ngọc P*: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông P biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông P không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án. Đồng thời ông P cũng không cung cấp chứng cứ và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa theo Giấy triệu tập của Tòa án.

Sự việc được Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết: Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; khoản 2, khoản 4 Điều 91; Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463; khoản 1 Điều 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H: Buộc bị đơn bà Nguyễn Thúy V cùng ông Vương Ngọc P phải có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho nguyên đơn bà Phan Thị Thu H số tiền vốn, lãi vay tổng cộng là 139.829.367 đồng (trong đó tiền vốn là 96.860.000 đồng, tiền lãi là 42.969.367 đồng).

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thúy V trả số tiền vốn là 93.120.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, bị đơn bà Nguyễn Thúy V gửi đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Sóc Trăng yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện; bị đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, bà V khai nhận: Thừa nhận chữ ký tại giấy thỏa thuận ghi nhận nợ do bà H cung cấp. Trước đó có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng, đã trả cho bà H xong, nhưng không có giấy tờ hay người chứng kiến. Ở lần nhờ bà H đứng tên vay dùm số tiền 200.000.000 đồng này thì bà H đưa cho bà 10.000.000 đồng, còn 190.000.000 đồng thì không tiếp tục đưa cho bà như thỏa thuận, việc bà H đưa không đủ số tiền theo thỏa thuận thì không có ý kiến hay khiếu nại gì, nhưng có gửi thư yêu cầu bà H đưa đủ số tiền còn lại. Việc không thực hiện đóng lãi, trả vốn theo thỏa thuận thì bà H có khiếu nại đến lãnh đạo. Nay bà không đồng ý với yêu cầu của bà H, vì bà chỉ nhận 10.000.000 đồng nên bà chỉ trả 10.000.000 đồng vốn và lãi.

Tại phiên tòa, người đại diện của bà H khai nhận: Thừa nhận chữ ký tại giấy thỏa thuận ghi nhận nợ là của bà H với bà V và giấy thỏa thuận ghi nhận nợ được lập sau khi ngân hàng đã giải ngân cho bà H, nhưng bà V cho rằng bà H chỉ đưa 10.000.000 đồng, còn lại 190.000.000 đồng chưa đưa là không đúng, vì bà H chỉ đưa 10.000.000 đồng thì bà V không có ý kiến hay khiếu nại gì, nhưng bà V cho rằng có gửi thư yêu cầu bà H đưa số tiền còn lại, thì bà H không hay biết và không có nhận thư của bà V gửi, còn số tiền vay 200.000.000đồng mà bà V cho rằng vay của bà H trước đó là không có, mà số tiền 200.000.000 đồng là số tiền bà V nhờ bà H đứng tên vay dùm. Nay yêu cầu cấp phúc thẩm ghi nhận thêm mấy tháng tiền vốn và lãi mà bà V chưa trả từ sau khi khởi kiện cho đến ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng B không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Vị đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm. Đồng thời, phát biểu quan điểm của Viện Kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, từ đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo là đúng theo quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ và đúng luật định nên Hội đồng xét xử xem xét kháng cáo của bị đơn V theo quy định pháp luật.

[1.2] Sự có mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Phan Thị Thu H vắng mặt, nhưng có người đại diện là ông Ngô Đa N tham gia phiên tòa; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vương Ngọc P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do hay vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu của bị đơn bà Nguyễn Thúy V kháng cáo yêu cầu xét xử lại toàn bộ vụ án, không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H, thấy:

[2.1] Bà H cho rằng bà V có nhờ bà H đứng tên vay dùm bà V số tiền 200.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số HDTD880201700968 ngày 03/10/2017 của Ngân hàng B – Chi nhánh Sóc Trăng. Bà H cung cấp được Hợp đồng tín dụng số HDTD880201700968 ngày 03/10/2017 và Giấy thỏa thuận ghi nhận nợ (v/v vay tiền Ngân hàng B – chi nhánh Sóc Trăng) có chữ ký tên bà H và bà V. Bà V thừa nhận có nhờ bà H đứng tên vay tiền dùm số tiền 200.000.000 đồng như bà H trình bày và chữ ký tên tại Giấy thỏa thuận ghi nhận nợ do bà H cung cấp đúng là của bà. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng M.

[2.2] Tuy nhiên, bà H cho rằng đã đưa cho bà V đủ số tiền 200.000.000 đồng. Bà V chỉ thừa nhận bà H chỉ giao cho bà số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn lại 190.000.000 đồng bà H chưa đưa, Hội đồng xét xử thấy:

- Bà V cho rằng có gửi thư đề nghị bà H thực hiện thỏa thuận giao đủ tiền vay ngân hàng và cung cấp được giấy dịch vụ chuyển phát nhanh EMS đề ngày 21/02/2018. Người đại diện của bà H thừa nhận bà H không hay biết và không có nhận thư của bà V gửi. Mặt khác, giấy dịch vụ chuyển phát nhanh EMS của bà V cung cấp, tại mục người nhận không có ngày tháng và chữ ký họ tên của người nhận. Do đó, việc bà V cho rằng có yêu cầu bà H thực hiện giao đủ tiền vay là không có căn cứ chấp nhận. Nên việc bà V yêu cầu thu thập chứng cứ tại Bưu điện thành phố T về việc có chuyển thư của bà V đến bà H là không có cơ sở.

- Bà V cho rằng bà H chỉ giao cho bà số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn lại 190.000.000 đồng bà H chưa đưa. Bà H không thừa nhận, nhưng bà V không khiếu nại hay khởi kiện, mà thực hiện trả gốc lãi được 03 kỳ của tháng 11 với số tiền là 5.925.000 đồng, tháng 12 năm 2017 với số tiền là 5.458.000 đồng và tháng 01 năm 2018 với số tiền là 5.376.000 đồng. Tổng số tiền mà bà V đã trả là 16.759.000 đồng và không có khiếu nại hay khởi kiện việc bà H không giao đủ tiền theo thỏa thuận, mà khi bà V không tiếp tục thực hiện trả vốn lãi theo thỏa thuận, thì bà H có khiếu nại đến Hội phụ nữ Công an tỉnh Sóc Trăng, Phòng hồ sơ

Công an tỉnh Sóc Trăng và khởi kiện đến Tòa án. Do đó, việc bà H giao không đủ tiền theo thỏa thuận thì bà V không có ý kiến, nhưng khi bà V không trả vốn lãi theo thỏa thuận thì bà H có ý kiến khiếu nại và khởi kiện.

- Bà V cho rằng trước đó có vay của bà H số tiền 200.000.000 đồng nhưng đã thanh toán xong cho bà H, nhưng không có giấy tờ và người chứng kiến. Người đại diện của bà H không thừa nhận có cho bà V vay số tiền 200.000.000 đồng trước đó, mà số tiền vay 200.000.000 đồng bà V thừa nhận là số tiền nhờ bà H đứng tên vay dùm cho bà V. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về những tình tiết, sự kiện không phải chứng M. Do đó, có căn cứ xác định tình tiết này là sự thật.

- Tại Giấy thỏa thuận ghi nhận nợ (v/v vay tiền Ngân hàng B – chi nhánh Sóc Trăng) mà các bên đã thừa nhận chữ ký, không có ngày tháng, nhưng giấy thỏa thuận thể hiện đúng số tiền, số Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ và ngày tháng do Ngân hàng B – chi nhánh Sóc Trăng đã cung cấp cho Tòa án. Người đại diện của nguyên đơn Hà và bị đơn V đều thừa nhận giấy thỏa thuận ghi nhận nợ được lập sau khi ngân hàng đã giải ngân và bà H giao tiền cho bà V. Nên có căn cứ xác định giấy thỏa thuận ghi nhận nợ được lập sau khi ngân hàng đã giải ngân cho bên vay, thể hiện đúng số tiền và trách nhiệm thỏa thuận giữa bà H với bà V sau khi đã nhận tiền và đây là giấy ghi nhận nợ. Do đó, bà V có trách nhiệm trả vốn và trả lãi cho ngân hàng đúng kỳ hạn cho đến khi chấm dứt hợp đồng theo thỏa thuận. Nên việc bà V yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ chứng M bà có thiếu tiền của bà H, bà T là không có cơ sở, vì nghĩa vụ chứng M cho ý kiến phản đối yêu cầu của nguyên đơn là của bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự và yêu cầu triệu tập bà H, bà T đến phiên tòa là không có cơ sở, vì bà H, bà T trước đó đã có lời khai trực tiếp với Tòa án. Mặt khác, cấp phúc thẩm cũng đã triệu tập bà H, bà T nhưng đều vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích trên cấp sơ thẩm xác định bà V đã nhận tiền vay từ bà H số tiền 200.000.000 đồng là có căn cứ. Nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

Ngày 16/9/2020, Tòa án nhận bản tường trình đề ngày 08/9/2020 của ông Vương Ngọc P là chồng của bị đơn V, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án với nội dung không đồng ý nghĩa vụ liên đới với bà V, ông cho rằng đây là nghĩa vụ riêng của bà V, nhưng đã hết thời hạn kháng cáo, bản tường trình của ông không nộp trực tiếp tại Tòa án mà gửi đến Tòa án tỉnh Sóc Trăng theo đường dịch vụ bưu chính, nhưng chưa được xác thực chữ ký, không xác định rõ đúng ông là người tường trình và chưa tiến hành các trình tự, thủ tục kháng cáo theo quy định pháp luật, nội dung, hình thức và thời hạn không đảm bảo quy định pháp luật. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa, người đại diện của nguyên đơn bổ sung yêu cầu, nhưng yêu cầu này chưa được cấp sơ thẩm xem xét, nên cấp phúc thẩm không đặt ra xem xét để bảo đảm nguyên tắc chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm.

[6] Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tại phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà V, ông P có nghĩa vụ liên đới, lẽ ra cấp sơ thẩm phải buộc cả bà V và ông P cùng chịu án phí, nhưng cấp sơ thẩm chỉ buộc bà V chịu án phí sơ thẩm là thiếu sót, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh cho phù hợp để cấp sơ thẩm rút kinh nghiệm.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận, cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm, nên bị đơn kháng cáo phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148; khoản 6 Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thúy V. Giữ nguyên bản án án dân sự sơ thẩm số 19/2020/DS-ST ngày 18 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Sóc Trăng như sau:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2, khoản 4 Điều 91; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463; khoản 1 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 của Luật Thi hành dân sự.

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu H: Buộc bà Nguyễn Thúy V cùng ông Vương Ngọc P liên đới trả bà Phan Thị Thu H số tiền vốn, lãi vay tổng cộng là 139.829.367 đồng (Trong đó, tiền vốn là 96.860.000 đồng, tiền lãi là 42.969.367 đồng).

Kể từ ngày bà Phan Thị Thu H có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà Nguyễn Thúy V, ông Vương Ngọc P còn phải trả lãi cho bà Phan Thị Thu H theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

[2] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Thu H về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thúy V trả số tiền vốn là 93.120.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thúy V, ông Vương Ngọc P liên đới chịu số tiền là 6.991.468 đồng.

Bà Phan Thị Thu H phải chịu số tiền là 4.656.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp 5.334.600 đồng theo biên lai số 0004974 ngày 04/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Sóc Trăng. Hoàn lại bà H số tiền chênh lệch là 678.600 đồng.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thúy V phải chịu số tiền là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004523 ngày 30/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Sóc Trăng. Bà Nguyễn Thúy V đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Lưu: HSVA – VP.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Phan Lê Vũ Huy Hoàng